

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H và ông Lưu Đình B.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu H, Cán bộ Tòa án.

- **Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị H, Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2021, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; “vắng mặt”

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H

Chỗ ở và nơi làm việc: Thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; “vắng mặt”

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/12/2016; “vắng mặt”

+ Cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 30/8/2018; “vắng mặt”

Đều hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T và cháu L: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của các cháu.

4. *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H;

+ Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1970; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh H vào ngày 17/3/2015 theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường được khoảng 02 năm đầu sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được Tg nói chung. Ngoài ra, vợ chồng chị mâu thuẫn về vấn đề vấn đề kinh tế gia đình, anh T đi làm nhưng không tu chí, thường xuyên thay đổi chỗ làm việc, thời gian anh T đi làm về nhưng không đưa tiền lương hoặc bất kỳ khoản tiền nào cho chị, mọi chi tiêu sinh hoạt gia đình đều chỉ do một mình chị xoay sở, anh T không quan tâm và có trách nhiệm gì đến gia đình. Anh T còn chơi số lô, số đề và đánh bạc dẫn đến nợ nần mình chị phải lặn lội đi làm để trả nợ thay cho anh T; bản thân anh T sống cũng không có lập trường, mọi việc nhất nhất đều nghe theo bố mẹ, chị có tham gia góp ý thì anh T không nghe dẫn đến vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đỉnh điểm vào khoảng tháng 10 năm 2020, anh T có những lời lẽ xúc phạm và đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 10 năm 2020 cho đến nay mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng chị hai bên gia đình người lớn có động viên để vợ chồng chị hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không thay đổi quan điểm và sống phớt lờ mọi chuyện. Trong thời gian vợ chồng chị sống ly thân, những khi chị về thăm nom con anh T ngăn cản không cho chị gặp con. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, vợ chồng chị sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/12/2016 và cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 30/8/2018. Nay ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Thùy L còn để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Vợ chồng chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2021 và ngày 03/8/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh H vào ngày 17/3/2015 theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng anh bình thường nhưng khoảng tháng 12/2020 (tháng 10/2020 âm lịch) thì vợ chồng anh có xảy ra trục trặc, lý do là hai con anh mỗi ngày một lớn, cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cả hai vợ chồng nên anh có bàn với chị H là về quê làm để có thời gian chăm sóc con nhưng

chị H không nghe dẫn đến vợ chồng to Tg cãi nhau, lúc đó anh có bức nói với chị H là ly hôn thì chị H đã thu dọn quần áo đi khỏi nhà luôn, vợ chồng anh chính thức sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Anh đã nhiều lần liên lạc với chị H bằng điện thoại nhưng chị H chặn số không cho anh liên lạc, anh cũng đã nhiều lần lên chỗ làm việc tìm nhưng chị H thay đổi chỗ làm việc nên không thể gặp được chị H. Việc chị H cho rằng anh sống không có chính kiến, nhất nhất nghe theo bố mẹ và đi làm không đưa lương cho chị H là không đúng. Trước đó anh và chị H đã thỏa thuận thống nhất, chị H đi làm là để trả tiền nợ vay bên ngoại, còn anh đi làm là để trả khoản nợ bên nội. Việc chị H khai với Tòa về việc anh chơi số lô, số đề là không chính xác, thực tế anh chỉ làm thư ký ghi số lô, số đề để hưởng hoa hồng thời điểm hai vợ chồng anh còn làm ở trên B. Từ khi chị H đi đến nay có vài lần về nhà để nói chuyện với bố mẹ anh về việc vợ chồng ly hôn, lấy giấy tờ và có một lần về chơi với con. Mâu thuẫn của vợ chồng anh cũng được bố mẹ anh động viên và bố anh có điện thoại cho mẹ chị H để cùng nhau tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng thì mẹ chị H trả lời là chuyện của vợ chồng anh thì cứ để vợ chồng tự giải quyết. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì quan điểm của anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng anh không còn tình cảm gì nữa nhưng vì các con anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nên không nhất trí ly hôn, nếu chị H cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/12/2016 và cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 30/8/2018. Các con anh đều ở với anh từ bé, điều kiện ăn ở, sinh hoạt rất ổn định, không có khó khăn vướng mắc gì. Hiện nay anh đang làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng từ 12 đến 15 triệu đồng nên nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Vợ chồng anh không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Nụ (mẹ đẻ chị H) trình bày:

Quá trình hai anh chị chung sống, thời gian gần đây bà thấy chị H hay buồn rầu nên bà tìm hiểu thì được biết hai anh chị sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, anh T thì sống ở quê, còn chị H làm việc trên B và những lúc rảnh chị H có đưa con về nhà bà ở Thái Bình chơi. Nguyên nhân vợ chồng chị H mâu thuẫn là do anh T không chịu tu chí làm ăn mà mãi chơi, không quan tâm gì đến kinh tế gia đình cũng như mẹ con chị H, mọi chi tiêu trong gia đình cũng chỉ do một mình chị H lo toan và có khi chị H còn phải đi làm để trả những khoản nợ của anh T do chơi bời. Bà thấy hai anh chị lấy nhau 06 năm mà không tích cóp được đồng nào, không tạo dựng được tài sản gì. Mâu thuẫn của hai anh chị gia đình hai bên có động viên, khuyên răn để hai anh chị nhận thức và cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng cũng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T đây là quyền riêng tư của hai anh chị, để hai anh chị tự quyết định.

- Ông Nguyễn Văn T (bố đẻ anh T) trình bày:

Giữa anh T và chị H khoảng 01 năm trở lại đây có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có công ăn việc làm ổn định, nay công ty này mai công ty khác. Chính vì công việc của anh T không ổn định nên chị H có bảo anh T về quê khi nào ổn định công việc thì chị H về. Khi anh T về quê có công việc ổn định rồi và bảo chị H về nhưng chị H không về, từ đó vợ chồng thường hay xảy ra cãi nhau. Thời gian trước đây vợ chồng anh T cũng đã xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc cả hai vợ chồng chơi số lô, số đề. Từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay hai anh chị không còn sinh sống cùng nhau nữa và chị H cũng không liên hệ gì với gia đình và các con chị H. Từ khi vợ chồng anh T sống ly thân, cũng có lần anh T đưa các con lên B tìm chị H nhưng không tìm được vì chị H bỏ về quê Thái Bình. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, việc ly hôn là của hai anh chị để hai anh chị tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng anh T có 02 con chung như anh T, chị H đã trình bày với Tòa án. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Vợ chồng anh T, chị H không có gì.

- Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin: Chị H, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2015 theo đúng quy định của pháp luật. Qua năm bắt thông tin được biết chị H và anh T sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, chị H không về chung sống cùng nhà với anh T nữa. Còn nguyên nhân gì thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H, bị đơn anh T vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 30/8/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/12/2016 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Các bên đương sự

không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh H vào ngày 17/3/2015 đúng quy định của pháp luật; do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Chị H có yêu cầu khởi kiện ly hôn; anh T có nơi đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H vì vậy Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX sẽ T hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã T có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, công việc và thu nhập của anh T không ổn định, không lo được kinh tế cho gia đình, chi tiêu cho gia đình đều do một mình chị H phải lo. Ngoài ra, vợ chồng chị H, anh T còn chơi số lô, số đề ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và bất đồng quan điểm trong việc sắp xếp công việc của vợ chồng, anh T mong muốn chị H về quê xin việc làm nhưng chị H không nghe dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, chị H và anh T đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay cả hai anh chị sống ly thân nhau, vợ chồng không có cuộc sống chung, hai bên không còn nghĩa vụ, trách nhiệm gì với nhau, việc anh T không nhất trí ly hôn với lý do vì các con nhưng lại không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, cả hai anh chị đều xác định cho đến nay không còn tình cảm vợ chồng nên nếu có kéo dài cuộc sống hôn nhân hiện tại thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn T đều xác nhận vợ chồng có với nhau 02 con chung trong thời kỳ hôn nhân là các cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/12/2016 và cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 30/8/2018, hiện cháu T và cháu L đang ở với anh T. Ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thùy L, còn

anh T có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu T và L. HĐXX nhận thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên, việc xem xét giao con chưa thành niên cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo về mọi mặt của con chưa thành niên như về điều kiện vật chất, độ tuổi, giới tính. Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt cho các con chung, cần thiết giao cho chị H và anh T mỗi người nuôi một con chung là phù hợp. Chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, tính đến thời điểm xét xử thì cháu L chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H chứng minh được mức thu nhập bình quân hàng tháng ổn định 9.000.000 đồng/tháng, mặt khác, cháu L lại là con gái, còn bé, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên việc giao cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao cháu T cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với độ tuổi và tâm lý của cháu. Anh T có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, anh T trình bày anh làm nghề lái xe, mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 12 đến 15 triệu đồng, Tòa án đã yêu cầu anh T xuất trình căn cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng nhưng anh T không xuất trình được. Mặt khác, anh T làm nghề lái xe nên không thể có nhiều thời gian để trông nom, chăm sóc cả hai cháu được nên nếu giao cả hai cháu cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu. Do đó, yêu cầu của anh T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu không được chấp nhận. Chị H và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc chị H và anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX nhận thấy: Các đương sự không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 28/12/2016 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 30/8/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị H và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác: Các bên đương sự đều xác định không có gì, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003850, ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Q